

Số: 282 /TCT-TCKT

V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch
Báo cáo tài chính năm 2019 của TCT
Sông Đà - CTCP.

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty : Tổng công ty Sông Đà
2. Mã chứng khoán : SJG
3. Địa chỉ : toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại : (84-024)38541164
5. Fax : (84-024)38541161
6. Người được uỷ quyền công bố thông tin: Vũ Đức Quang
7. Người đại diện : Trần Văn Tuấn
8. Nội dung thông tin công bố:

8.1 Báo cáo tài chính (BCTC) công ty mẹ và hợp nhất năm 2019 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C phát hành ngày 10/4/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

8.2 Giải trình chênh lệch số liệu, kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán trên báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ:

- Đối với số liệu Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính Quý IV đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên:

+ Đối với số liệu trên Bảng cân đối kế toán: một số chỉ tiêu chênh lệch do số liệu tại công ty con có sự thay đổi sau khi được kiểm toán, đồng thời việc loại trừ các giao dịch nội bộ giữa các công ty con với nhau, tách lợi ích cổ đông không kiểm soát dẫn đến số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau kiểm toán thay đổi so với số liệu trong báo cáo tài chính quý IV.

+ Đối với số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- (i) Báo cáo hợp nhất được tổng hợp năm 2019 kết quả thay đổi từ công ty con dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh sau kiểm toán giảm so với số liệu lũy kế trên BCTC quý IV.

(ii) Báo cáo công ty mẹ, lợi nhuận trước thuế tại báo cáo sau kiểm toán là 40,155 tỷ đồng giảm 8,01 tỷ đồng so với báo cáo trước kiểm toán nguyên nhân chủ yếu do trích lập dự phòng tài chính bổ sung, giảm khoản ghi nhận cổ tức.

- Đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

+ BCTC công ty mẹ lợi nhuận-sau thuế năm 2019 là 40,15 tỷ đồng tăng 12,7 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 46% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu: năm 2019 mức trích lập dự phòng tài chính và phải thu khó đòi giảm so với năm 2018 (năm 2019 trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 9,43 tỷ đồng và dự phòng phải thu khó đòi là 48,6 tỷ đồng).

+ BCTC hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 321,479 tỷ đồng giảm 41,4 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 11% so với năm 2018. Nguyên nhân chính: các công trình do Tổng công ty Sông Đà làm tổng thầu đã đi vào giai đoạn cuối, doanh thu giảm nên lợi nhuận giảm tương ứng; Hoạt động kinh doanh bất động sản triển khai chậm dẫn đến bán hàng chưa đạt theo kế hoạch.

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.songda.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được công bố là đúng sự thật và đúng theo các quy định của luật kế toán.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT;

Người được uỷ quyền công bố thông tin

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC BAN TCKT**



Vũ Đức Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 56

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty và các công ty con.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 8 7 0

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Việt	Thành viên	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 9 năm 2019

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng công ty và các công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và các Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

Ngày 10 tháng 4 năm 2020

TR
KH
ĐC

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0353/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP) (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con, được lập ngày 10 tháng 4 năm 2020, từ trang 06 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng công ty và các Công ty con chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số I.7 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu hợp cộng của số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - Công ty TNHH MTV (đơn vị cổ phần hóa) và số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020



Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3707-2016-008-1

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.931.290.915.627	13.256.686.548.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	466.947.812.848	792.062.478.397
1. Tiền	111		289.743.199.116	623.266.434.752
2. Các khoản tương đương tiền	112		177.204.613.732	168.796.043.645
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		252.427.530.365	370.554.860.930
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	26.522.739.614	26.522.739.614
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(3.538.468.847)	(2.610.510.864)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	229.443.259.598	346.642.632.180
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.984.196.192.554	9.031.088.336.261
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	4.438.279.398.081	4.558.034.480.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	485.929.044.511	457.621.948.817
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.001.450.563.978	3.050.855.595.293
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.523.352.854.929	1.309.992.396.288
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(475.444.008.618)	(356.428.515.903)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	10.628.339.673	11.012.431.546
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	3.005.778.678.201	2.859.024.304.136
1. Hàng tồn kho	141		3.007.421.075.257	2.871.889.384.808
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.642.397.056)	(12.865.080.672)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		221.940.701.659	203.956.568.921
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	86.767.438.248	73.326.122.799
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		125.501.127.499	123.384.478.124
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	9.672.135.912	7.245.967.998
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09
 08
 07
 06
 05
 04
 03
 02
 01
 00
 99
 98
 97
 96
 95
 94
 93
 92
 91
 90
 89
 88
 87
 86
 85
 84
 83
 82
 81
 80
 79
 78
 77
 76
 75
 74
 73
 72
 71
 70
 69
 68
 67
 66
 65
 64
 63
 62
 61
 60
 59
 58
 57
 56
 55
 54
 53
 52
 51
 50
 49
 48
 47
 46
 45
 44
 43
 42
 41
 40
 39
 38
 37
 36
 35
 34
 33
 32
 31
 30
 29
 28
 27
 26
 25
 24
 23
 22
 21
 20
 19
 18
 17
 16
 15
 14
 13
 12
 11
 10
 09

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.051.633.953.710	15.431.081.591.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.130.447.961.463	1.409.037.314.918
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	453.837.781.391	676.794.347.328
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	610.401.706.736	674.372.078.065
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	66.208.473.336	67.885.645.850
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	-	(10.014.756.325)
II. Tài sản cố định	220		9.495.395.155.492	10.111.390.566.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	9.431.833.254.498	10.078.860.750.167
<i>Nguyên giá</i>	222		18.347.167.201.440	18.390.047.085.470
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.915.333.946.942)	(8.311.186.335.303)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	52.133.596.892	21.161.395.239
<i>Nguyên giá</i>	225		72.626.177.682	32.825.583.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(20.492.580.790)	(11.664.187.851)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	11.428.304.102	11.368.421.285
<i>Nguyên giá</i>	228		17.272.916.011	16.603.366.011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.844.611.909)	(5.234.944.726)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		774.716.227.526	505.291.590.216
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	774.716.227.526	505.291.590.216
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.178.208.145.849	2.963.064.343.051
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.860.162.125.765	2.693.723.508.560
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	352.989.875.478	300.328.899.478
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(35.303.855.394)	(30.988.064.987)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	360.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		472.866.463.380	442.297.776.905
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	292.119.941.774	247.841.551.779
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.335.893.433	2.399.361.833
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.15	22.189.109.078	18.948.440.616
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	153.221.519.095	173.108.422.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27.982.924.869.337	28.687.768.140.426

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		20.400.845.708.586	21.150.656.995.917
I. Nợ ngắn hạn	310		12.560.550.962.233	13.327.167.956.292
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17a	2.448.654.123.464	2.381.717.582.558
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	1.271.873.461.180	1.158.161.075.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	307.749.988.310	386.945.215.579
4. Phải trả người lao động	314		288.881.631.017	306.821.552.367
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	793.280.499.432	535.954.383.722
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	15.753.740.500	10.400.631.022
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	2.061.348.496.781	2.192.443.543.653
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	5.325.421.304.242	6.299.856.715.062
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	286.503.920
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	47.587.717.307	54.580.752.569
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.840.294.746.353	7.823.489.039.625
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.17b	156.346.909.687	182.623.868.672
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	152.124.400.064	95.082.584.485
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	143.346.561.236	119.876.398.541
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	7.373.309.820.501	7.403.622.697.377
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		14.433.644.283	15.066.468.160
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		733.410.582	7.217.022.390
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.582.079.160.751	7.537.111.144.509
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	7.582.044.565.154	7.537.076.548.912
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25b	121.567.440.382	121.567.440.382
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		19.346.479.965	20.998.948.125
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.605.686.775.287)	(1.629.294.875.287)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		233.542.101.533	242.940.292.010
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		766.899.475.459	749.636.060.130
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.798.115.744	6.798.115.744
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.040.671.493.393	916.981.352.886
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		883.197.452.523	916.981.352.886
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		157.474.040.870	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		9.749.706	9.749.706
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25c	2.503.525.364.259	2.612.068.345.216
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.595.597	34.595.597
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.982.924.869.337	28.687.768.140.426

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.973.551.104.678	8.002.173.542.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	20.542.812.874	56.431.131.585
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.953.008.291.804	7.945.742.410.869
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.321.688.202.863	5.999.334.216.339
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.631.320.088.941	1.946.408.194.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	374.436.040.648	261.099.859.227
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.017.965.267.734	1.182.096.942.229
Trong đó: chi phí lãi vay	23		972.764.329.798	1.121.008.516.264
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.9	85.217.025.058	44.800.275.055
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	6.428.326.997	6.883.778.704
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	577.913.392.307	648.131.733.025
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		488.666.167.609	415.195.874.854
12. Thu nhập khác	31	VI.7	47.424.266.032	53.842.559.372
13. Chi phí khác	32	VI.8	135.456.079.082	30.910.739.942
14. Lợi nhuận khác	40		(88.031.813.050)	22.931.819.430
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		400.634.354.559	438.127.694.284
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		82.724.531.188	72.368.806.768
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.569.355.477)	2.824.862.682
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		321.479.178.848	362.934.024.834
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		157.474.040.870	124.832.666.246
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		164.005.137.978	238.101.358.588
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		350	318
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		350	318

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		400.634.354.559	438.127.694.284
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		735.026.648.601	933.727.703.864
- Các khoản dự phòng	03		125.972.578.764	62.542.849.125
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9.869.018.956)	(17.122.715.161)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(294.864.918.662)	(249.690.603.214)
- Chi phí lãi vay	06		972.764.329.798	1.121.008.516.264
- Các khoản điều chỉnh khác	07		6.850.410.584	9.471.254.562
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.936.514.384.688	2.298.064.699.724
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		214.044.228.748	(213.876.577.877)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(143.660.115.987)	299.749.452.643
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(427.162.735.236)	589.895.008.301
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		368.383.657	17.509.771.687
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(799.192.731.481)	(866.545.486.344)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(78.575.670.939)	(92.008.225.036)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		605.676.366	2.715.048.933
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(61.537.384.453)	(66.728.139.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		641.404.035.363	1.968.775.552.743
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(326.251.014.008)	(333.542.579.370)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.478.547.842	7.215.120.442
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(229.720.633.019)	(373.021.973.107)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		525.561.293.976	799.153.637.296
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.930.876.000)	(37.771.463.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.030.000.000	42.307.461.072
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		293.836.865.826	289.652.481.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		275.004.184.617	393.992.684.534

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9.410.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	5.062.338.854.627	6.657.123.235.194
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(5.975.303.166.812)	(8.776.412.218.679)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23	(16.327.975.135)	(10.399.774.373)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(313.050.371.600)	(366.427.495.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.242.342.658.920)	(2.486.706.253.268)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(325.934.438.940)	(123.938.015.991)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	792.081.478.397	915.775.621.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		800.773.391	224.873.247
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	466.947.812.848	792.062.478.397

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

10/4/20

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nổ mìn./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

6. Cấu trúc Tổng công ty

Tổng công ty bao gồm Công ty Mẹ và 26 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
2. Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
3. Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
5. Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,24%	65,00%	65,24%	65,00%
6. Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
7. Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10-11, tòa nhà sông đà, đường phạm hùng, phường mỹ đình 1, quận Nam từ liêm, Thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
8. Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*)	Số nhà 16, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
9. Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	P501 tầng 5 số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
10. Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (*)	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
11. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	số 96, đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Kinh doanh thủy điện	58,58%	58,58%	58,58%	58,58%
13. Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Áp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Kinh doanh thủy điện	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
14. Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
15. Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty trên ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và Báo cáo tài chính của các công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty con do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp		Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết		
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính						
1. Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	100,00%	100,00%	
2. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đaklô	Thôn Măng đen, xã Đăk Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	Kinh doanh thủy điện	50,48%	50,48%	98,97%	98,97%	
3. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang	Kinh doanh thủy điện	29,83%	29,83%	51,00%	51,00%	
4. Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	22,65%	22,65%	75,90%	75,90%	
5. Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Xã Ia monông, huyện Chupăh, tỉnh Gia Lai	Xây lắp	62,27%	62,27%	100,00%	100,00%	
6. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	Bản Mường Tùng, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Kinh doanh thủy điện	34,92%	34,92%	56,09%	56,09%	
7. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Làng Kon Sơ Lăng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	41,41%	41,41%	81,25%	81,25%	
8. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Xây lắp	37,48%	37,48%	73,48%	73,48%	
9. Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xí Mần, tỉnh Hà Giang	Kinh doanh thủy điện	42,71%	41,88%	92,55%	90,74%	
10. Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Số 32, ngõ 56 đường Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Thiết kế cơ khí	46,15%	46,15%	100,00%	100,00%	
11. Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40, TT6 Khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	100,00%	100,00%	

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5 nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
2. Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	36,35%	36,65%	36,35%	36,65%
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Xây lắp	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
5. Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tầng 9, Khu B, Tòa nhà HH4, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	35,11%	38,29%	35,11%	38,29%
6. Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 23 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
7. Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Lô số 7-8, LK3, Khu đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Xây lắp	29,10%	29,10%	29,10%	29,10%
8. Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	P603, tầng 6, CT4, Khu đô thị mới Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	20,82%	22,00%	20,82%	22,00%
10. Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đông Mác, xã Quý Hoà, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Khai thác đá, cát, sỏi và đầu tư xây dựng thủy điện	67,00%	67,00%	24,15%	24,15%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan là số liệu hợp cộng của số liệu Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - Công ty TNHH MTV (đơn vị cổ phần hóa) và số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Theo đó, số liệu so sánh trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 05 tháng 4 năm 2018).

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với công ty con và giữa các công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và các công ty con và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tổng công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tổng công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và các công ty con với ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng công ty và các công ty con có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty và các công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty và các công ty con nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các công ty con và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tổng công ty và các công ty con ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng công ty và các công ty con ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty và các công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho tại các Công ty con có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí tái cấu trúc doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá TSCĐ theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TTBTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty và các công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... hoặc Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty mẹ và các Công ty con trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn giao đất hoặc thuê đất. Trường hợp quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tổng công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tổng công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

17. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

18. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

19. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Là các khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

20. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng công ty và các công ty con đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng công ty và các công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng công ty và các công ty con đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tổng công ty và các công ty con đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty mẹ và các Công ty con đã không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

22. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty và các công ty con đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

24. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	25.072.074.295	36.034.559.034
Tiền gửi ngân hàng	264.671.124.821	587.231.875.718
Các khoản tương đương tiền (các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	177.204.613.732	168.796.043.645
Cộng	466.947.812.848	792.062.478.397

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty và các công ty con như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn (*)	1.600.500.000	(877.943.083)	1.600.500.000	-
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (*)	1.577.041.250	-	1.577.041.250	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (*) (1)	18.204.120.000	-	18.204.120.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	300.000	(683.200)	300.000	(136.200)
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	400.000	-	400.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	815.000.000	-	815.000.000	-
Công ty Cổ phần SDP	1.323.404.364	(1.148.142.564)	1.323.404.364	(935.324.664)
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Sông Đà	1.974.000	-	1.974.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	3.000.000.000	(1.511.700.000)	3.000.000.000	(1.675.050.000)
Cộng	26.522.739.614	(3.538.468.847)	26.522.739.614	(2.610.510.864)

(*) Đây là các chứng khoán được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF), được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng Công ty Sông Đà - CTCP.

(1) Giá trị ghi sổ của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng là 18.204.120.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	2.610.510.864
Trích lập dự phòng bổ sung	1.091.307.983
Hoàn nhập dự phòng	(163.350.000)
Số cuối năm	3.538.468.847

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	229.443.259.598	229.443.259.598	346.642.632.180	346.642.632.180
Tiền gửi có kỳ hạn	229.443.259.598	229.443.259.598	346.642.632.180	346.642.632.180
Dài hạn	360.000.000	360.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	360.000.000	360.000.000	-	-
Cộng	229.803.259.598	229.803.259.598	346.642.632.180	346.642.632.180

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	119.649.094.693	121.529.338.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	134.810.174.747	134.560.861.291
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.566.181.415	3.615.250.941
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	801.809.522.582	914.838.736.353
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	-	132.293.409.784
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	21.409.469.966	22.511.509.292
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.720.680.090.272	1.304.786.812.782
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	11.272.885.719	12.409.552.807
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc	5.573.526.465	5.573.526.465
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	37.391.179.907	37.604.510.685
Cộng	2.860.162.125.765	2.693.723.508.560

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2019	Chênh lệch xác định giá trị cổ phiếu thưởng	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2019
Công ty Cổ phần BOT Quốc Lộ 2	44.700.000.000	-	74.949.094.693	119.649.094.693
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	90.000.000.000	-	44.810.174.747	134.810.174.747
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Sông Đà - UCRIN	1.782.968.647	-	1.783.212.768	3.566.181.415
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	388.355.965.544	99.645.549.600	313.808.007.438	801.809.522.582
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	-	522.469.966	21.409.469.966
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.097.658.050.909	-	623.022.039.363	1.720.680.090.272

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2019	Chênh lệch xác định giá trị cổ phiếu thường	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2019
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	100.000.000.000	-	(96.000.000.000)	4.000.000.000
Cộng	1.743.383.985.100	99.645.549.600	962.894.998.974	2.805.924.533.674

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp qua các Công ty con vào Công ty liên kết được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Tên công ty	Vốn góp đến ngày 31/12/2019	Tăng, giảm giá trị đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31/12/2019
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	5.856.360.000	(5.856.360.000)	-
Công ty CP Sông Đà 10.9	4.560.000.000	6.712.885.719	11.272.885.719
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc	7.080.000.000	(1.506.473.535)	5.573.526.465
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	39.124.823.018	(1.733.643.111)	37.391.179.907
Tổng cộng	56.621.183.018	(2.383.590.927)	54.237.592.091

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần điện Việt Lào (điện Việt Lào)		
Doanh thu cung cấp dịch vụ phải thu điện Việt Lào	-	599.714.657
Lãi vay phải thu điện Việt Lào	74.771.449.161	61.724.643.992
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (SUDICO)		
Cổ tức Tổng Công ty được hưởng	41.745.862.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa (nhà Khánh Hòa)		
Doanh thu phí bảo lãnh phải thu nhà Khánh Hòa	-	21.519.611
Cổ tức Tổng Công ty được hưởng	1.044.350.000	2.088.700.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin (Sông Đà – Ucrin)		
Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh phải thu Sông Đà - Ucrin	3.419.845	10.361.128
Chi phí phải trả	229.806.432	-
Cổ tức Tổng Công ty được hưởng	146.401.316	68.871.065

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	55.396.800.278	-	55.396.800.278	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	13.082.914.986	-	13.082.914.986	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000	-	1.536.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	-	538.200.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	5.000.000.000	-	15.000.000.000	(359.829.045)
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831	-	5.930.749.831	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO	4.573.200.000	(85.051.327)	4.573.200.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000	(4.339.546.714)	25.724.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	(165.300.000)	165.300.000	(143.834.592)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	35.258.322.110	-	35.258.322.110	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	2.951.350.000	-	2.951.350.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.875.500.000	-	6.935.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	51.820.100.000	-	-	-
Tổng công ty Hà Thành	110.000.000	-	110.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông	500.000.000	(325.000.000)	500.000.000	(300.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	18.628.000.000	(16.765.200.000)	18.628.000.000	(16.392.640.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	5.784.940.000	(5.466.440.000)	5.784.940.000	(5.294.940.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	9.450.000.000	(3.383.118.929)	9.450.000.000	(3.061.392.064)
Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000	(585.000.000)	585.000.000	(292.500.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Psi	1.841.309.273	-	2.841.309.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000	-	102.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	(78.698.677)	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk sor 3	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	10.445.280.000	(2.850.499.747)	10.445.280.000	(2.262.929.286)
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	79.773.409.000	-	67.842.533.000	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc	1.940.000.000	-	1.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess	457.500.000	-	457.500.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	20.000.000	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	6.000.000.000	(1.260.000.000)	6.000.000.000	(2.880.000.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu	6.200.000.000	-	6.200.000.000	-
Cộng	352.989.875.478	(35.303.855.394)	300.328.899.478	(30.988.064.987)

3. Phải thu của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	959.879.913.941	917.748.183.603
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	25.477.541.047	36.844.040.047
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	346.266.345.606	296.389.184.449
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	569.114.338.858	566.856.030.435
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.112.502.940	3.596.165.254
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	407.426.143,00	407.426.143
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	14.254.729.617	12.313.584.117
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.225.394.868	1.339.601.197
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	21.634.862	2.151.961
Phải thu các khách hàng khác	3.478.399.484.140	3.640.286.296.617
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5	438.355.829.952	455.499.407.652
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	178.734.661.194	34.447.767.998
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	117.524.889.517	91.301.355.525
Liên danh CMC/ITD/Song Da	125.328.668.107	161.757.904.400
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	122.777.128.485	124.777.128.485
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	114.907.628.198	141.147.860.198
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	108.704.964.630	165.963.309.859
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	107.480.000.727	114.223.723.727
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	70.937.848.698	74.217.366.641
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	64.705.222.023	64.705.222.023
Ban Quản lý Dự án thủy điện 4	63.231.823.051	63.231.823.051
Công ty Cổ phần Điện lực Tây Bắc	56.893.240.849	46.139.655.337
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	51.327.407.966	50.954.477.498
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	49.309.193.656	11.334.369.595
Công ty cổ phần Sông Đà Hoàng Long	11.627.540.000	74.987.697.224
Các khách hàng khác	1.796.553.437.087	1.965.597.227.404
Cộng	4.438.279.398.081	4.558.034.480.220

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	167.511.215.121	168.000.845.438
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	19.858.329.399	19.858.329.399
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	147.608.069.525	147.863.829.383
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	-	233.870.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	44.816.197	44.816.197
Phải thu các khách hàng khác	286.326.566.270	508.793.501.890
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	75.230.517.111	128.642.883.475
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	104.532.195.510	181.593.875.281
Công ty OBAYASHI	-	99.489.521.052
Các khách hàng khác	106.563.853.649	99.067.222.082
Cộng	453.837.781.391	676.794.347.328

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	765.773.324	1.461.076.467
Công ty TNHH Tư vấn Sông Đà – Ucrin	-	76.237.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	765.773.324	1.384.839.467
Trả trước cho người bán khác	485.163.271.187	456.160.872.350
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Lai Châu	20.712.017.225	47.757.884.047
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	47.862.357.298	63.727.569.730
Công ty TNHH Nhạc Sơn	45.271.190.701	54.548.208.601
Các đối tượng khác	371.317.705.963	290.127.209.972
Cộng	485.929.044.511	457.621.948.817

5. Phải thu về cho vay**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.017.291.376.429	945.925.982.897
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.017.132.043.971	945.766.650.439
Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.984.159.187.549	2.104.929.612.396
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – vốn lưu động	975.009.156.984	1.002.208.346.248
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	965.461.669.242	1.061.512.960.765
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - CTCP	26.088.361.323	23.608.305.383
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
Viện Kinh tế xây dựng	100.000.000	100.000.000
Cộng	3.001.450.563.978	3.050.855.595.293

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	610.301.706.736	674.272.078.065
Cộng	<u>610.401.706.736</u>	<u>674.372.078.065</u>

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Phải thu các bên liên quan</u>	<u>178.257.287.363</u>	<u>99.461.388.585</u>
<u>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</u>	<u>79.626.069.052</u>	<u>37.733.805.736</u>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.579.457.052	1.433.055.736
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	78.046.612.000	36.300.750.000
<u>Phải thu các khoản khác</u>	<u>98.631.218.311</u>	<u>61.727.582.849</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	26.242.254	26.242.254
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	91.297.777.351	54.378.436.667
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	41.962.777	41.962.777
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	7.265.235.929	7.280.941.151
<u>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>1.345.095.567.566</u>	<u>1.210.531.007.703</u>
Tạm ứng	177.547.339.698	134.127.454.861
Ký quỹ, ký cược	118.477.297.311	136.886.981.783
Phải thu về cổ phần hóa	5.886.915.738	5.858.915.738
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại	530.026.759.655	472.864.528.632
Tiền khối lượng công trình Cổ Mã	26.240.232.000	-
Các khoản phải thu khác	486.917.023.164	460.793.126.689
Cộng	<u>1.523.352.854.929</u>	<u>1.309.992.396.288</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.635.397.294	5.337.669.808
Phải thu dài hạn khác (*)	62.573.076.042	62.547.976.042
Cộng	<u>66.208.473.336</u>	<u>67.885.645.850</u>

(*) Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 12 với Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là "BMM") theo hợp đồng liên doanh số 107/2008/HĐLD ngày 05/06/2008 về việc liên doanh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông, tổng vốn đầu tư của dự án là 312.786.000.000 VND. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 01/2010/HĐLD/SĐ12-BMM ngày 15/10/2010 và phụ lục hợp đồng liên doanh số 02/2013/HĐLD/SĐ12-BMM ngày 3-09/2013, hai bên thỏa thuận BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty Cổ phần Sông Đà 12 góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Theo phụ lục hợp đồng liên doanh số 03/2016/HĐLD/SĐ12-BMM ngày 25/01/2016, BMM trả lại phần vốn góp của tầng 4 trị giá 7.776.000.000 VND. Lợi nhuận công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án. Khoản phải thu dài hạn tương ứng số tiền đầu tư đã bỏ và khoản tiền thu do bán các căn hộ thuộc quyền của Công ty Cổ phần Sông Đà 12 sẽ được bù trừ khi quyết toán toàn bộ dự án.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu và cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	346.413.759.578	10.014.756.325	356.428.515.903
Trích lập dự phòng bổ sung	138.015.254.860	-	138.015.254.860
Hoàn nhập dự phòng	(8.908.789.082)	(10.014.756.325)	(18.923.545.407)
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	(76.216.738)	-	(76.216.738)
Số cuối năm	475.444.008.618	-	475.444.008.618

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền	556.401.857	859.154.698
Hàng tồn kho	242.302.579	229.928.484
Tài sản khác ^(*)	9.829.635.237	9.923.348.364
Cộng	10.628.339.673	11.012.431.546

(*) Giá trị chênh lệch Công trình thủy điện Nậm He của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 sau kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

9. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	3.819.680.111	-	1.072.448.024	-
Nguyên liệu, vật liệu	331.970.457.764	(42.265.295)	283.943.290.428	-
Công cụ, dụng cụ	16.349.042.439	-	42.699.366.351	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.610.668.259.053	-	2.499.837.531.262	-
Thành phẩm	10.610.911.343	(178.938.830)	7.664.308.036	-
Hàng hóa	3.323.628.931	(1.421.192.931)	5.993.345.091	(12.865.080.672)
Hàng hóa bất động sản	30.679.095.616	-	30.679.095.616	-
Cộng	3.007.421.075.257	(1.642.397.056)	2.871.889.384.808	(12.865.080.672)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	16.670.381.316	13.221.180.081
Chi phí sửa chữa	5.294.026.680	6.847.112.192
Chi phí bảo hiểm	2.041.932.443	1.115.828.557
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey ⁽ⁱ⁾	47.677.389.977	47.677.389.977
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.083.707.832	4.464.611.992
Cộng	86.767.438.248	73.326.122.799

⁽ⁱ⁾ Là chi phí tư vấn tái cấu trúc sử dụng vốn của Tập đoàn Sông Đà giai đoạn 2010 – 2012 chờ ý kiến của Bộ Xây dựng thực hiện văn bản chỉ đạo số 1478/TTg-ĐMDN của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	46.642.076.084	48.762.169.973
Công cụ dụng cụ	99.929.699.873	89.527.477.725
Chi phí ban điều hành	7.192.337.794	17.557.903.966
Chi phí sửa chữa tài sản	49.004.460.280	40.490.460.338
Thuê đất, thuê văn phòng, nhà xưởng	73.600.011.182	11.870.767.226
Chi phí khắc phục sự cố thiên tai	5.492.454.546	10.977.140.806
Thương hiệu Sông Đà	5.924.927.912	10.664.870.228
Nhà lắp ghép	-	4.963.219.618
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.333.974.103	13.027.541.899
Cộng	292.119.941.774	247.841.551.779

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	9.473.158.756.349	6.871.395.075.523	1.164.211.608.859	29.096.146.135	852.185.498.604	18.390.047.085.470
Mua sắm mới	140.000.000	34.218.593.282	30.757.670.945	2.573.773.901	40.000.000	67.730.038.128
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.834.913.520	930.000.000	-	-	-	9.764.913.520
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	6.175.583.090	-	-	-	6.175.583.090
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.959.665.703)	(67.854.300.414)	(740.888.276)	-	(116.554.854.393)
Điều chỉnh theo quyết toán vốn đầu tư công trình	-	1.701.310.336	-	-	-	1.701.310.336
Giảm do sự cố cháy nổ	-	(13.241.414.807)	-	-	-	(13.241.414.807)
Phân loại lại	114.166.120.057	432.512.496.574	30.369.182.216	2.536.372.561	(579.584.171.408)	-
Tăng giảm khác	(1.669.861.238)	3.214.401.334	-	-	-	1.544.540.096
Số cuối năm	9.594.629.928.688	7.288.946.379.629	1.157.484.161.606	33.465.404.321	272.641.327.196	18.347.167.201.440
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	130.804.715.852	2.535.754.570.869	364.777.775.709	12.136.233.769	1.972.071.555	3.045.445.367.754
Chờ thanh lý	-	32.680.484.209	2.423.175.596	96.000.000	-	35.199.659.805
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.985.800.142.341	4.253.212.229.692	895.927.838.317	22.282.193.154	153.963.931.799	8.311.186.335.303
Khấu hao trong năm	329.715.938.253	319.761.350.248	55.422.879.284	2.654.725.699	11.985.856.850	719.540.750.334
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng	68.544.647	-	-	-	-	68.544.647
Hao mòn tài sản thuê tài chính mua lại	-	5.997.838.145	-	-	-	5.997.838.145
Thanh lý, nhượng bán	-	(46.355.152.495)	(67.816.908.733)	(740.888.276)	-	(114.912.949.504)
Giảm do sự cố cháy nổ	-	(8.091.975.715)	-	-	-	(8.091.975.715)
Phân loại lại	1.546.609.716	84.058.946.221	12.683.388.027	2.683.283.321	(100.972.227.285)	-
Tăng giảm khác	(697.161.026)	2.239.231.984	-	3.332.774	-	1.545.403.732
Số cuối năm	3.316.434.073.931	4.610.822.468.080	896.217.196.895	26.882.646.672	64.977.561.364	8.915.333.946.942
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.487.358.614.008	2.618.182.845.831	268.283.770.542	6.813.952.981	698.221.566.805	10.078.860.750.167
Số cuối năm	6.278.195.854.757	2.678.123.911.549	261.266.964.711	6.582.757.649	207.663.765.832	9.431.833.254.498

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại ban đầu theo sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.359.342.010.830 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Mua lại TSCĐ thuê tài chính	Khấu hao trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	32.825.583.090	45.966.177.682	(6.165.583.090)	-	72.626.177.682
Giá trị hao mòn	11.664.187.851	-	(5.997.838.145)	14.826.231.084	20.492.580.790
Giá trị còn lại	21.161.395.239	45.966.177.682	(167.744.945)	(14.826.231.084)	52.133.596.892

13. Tài sản cố định vô hình

	Chi phí quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.935.518.564	4.927.847.447	740.000.000	16.603.366.011
Tăng trong năm	-	719.550.000	-	719.550.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số cuối năm	10.935.518.564	5.647.397.447	690.000.000	17.272.916.011

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	3.180.147.447	500.000.000	3.680.147.447
---------------------------------------	---	---------------	-------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	750.904.584	3.873.873.470	610.166.672	5.234.944.726
Khấu hao trong năm	55.495.524	566.171.654	38.000.005	659.667.183
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số cuối năm	806.400.108	4.440.045.124	598.166.677	5.844.611.909

Giá trị còn lại

Số đầu năm	10.184.613.980	1.053.973.977	129.833.328	11.368.421.285
Số cuối năm	10.129.118.456	1.207.352.323	91.833.323	11.428.304.102

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	44.500.000	1.028.905.455
XDCB dở dang	747.888.878.773	487.024.717.357
Dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thị xã Hà Tĩnh	25.295.169.288	17.923.091.526
Dự án Thủy điện Sê Kông 3	48.849.426.755	48.849.426.755
Công trình Thủy điện Nậm Chiến	17.803.035.370	20.843.879.812
Công trình thủy điện Đăk lô	45.215.744.097	30.537.404.553
Công trình thủy điện Pake	581.700.683.143	342.242.641.855
Các công trình khác	29.024.820.120	26.628.272.856
Sửa chữa lớn TSCĐ	26.782.848.753	17.237.967.404
Cộng	774.716.227.526	505.291.590.216

15. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	22.189.109.078	18.948.440.616
Trừ dự phòng	-	-
Giá trị thuần	22.189.109.078	18.948.440.616

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Lợi thế thương mại**

Số đầu năm	173.108.422.677
Phân bổ trong năm	(19.886.903.582)
Số cuối năm	153.221.519.095

17. Phải trả người bán**17a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	106.204.650.603	121.479.228.438
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	4.745.412.108	5.328.934.827
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	29.407.980.286	45.716.381.943
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	2.375.995.541	68.586.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	347.894.000	1.037.957.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyễn Lộc	2.243.128.578	2.243.128.578
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.342.449.472.861	2.260.238.354.120
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	51.808.619.042	75.766.456.447
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	98.194.596.551	8.042.689.133
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	49.599.179.817	16.568.358.080
Công ty Cổ phần Lilama 10	22.624.291.227	34.368.020.331
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Quân Trung	30.714.991.390	30.714.991.390
Công ty Cổ phần Licogi 12	30.499.926.508	31.059.926.508
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	87.575.651.544	90.208.565.022
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long	66.297.459.122	60.899.973.971
Các nhà cung cấp khác	1.905.134.757.660	1.912.609.373.238
Cộng	2.448.654.123.464	2.381.717.582.558

17b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	6.389.054.525	11.086.336.883
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	1.844.608.443	1.758.904.122
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	4.293.286.478	9.076.273.157
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	251.159.604	251.159.604
Phải trả các nhà cung cấp khác	149.957.855.162	171.537.531.789
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	50.152.431.196	56.152.431.196
Công ty Cổ phần SCI	11.559.859.497	10.452.369.667
Các đối tượng khác	88.245.564.469	104.932.730.926
Cộng	156.346.909.687	182.623.868.672

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	49.710.813.754	69.570.512.931
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	2.899.955.573	345.131.990
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	33.072.006.341	41.584.505.448
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	8.269.230.778	22.171.254.431
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.222.162.647.426	1.088.590.562.909
Bản quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 2	113.954.389.000	183.379.664.000
Bản quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 7	176.426.287.000	253.895.287.000
Công ty Cổ phần thủy điện Pắc MA	135.068.541.819	103.486.126.264
Công ty TNHH Năng lượng Chaleun Sekong	273.983.820.003	-
Các đối tượng khác	522.729.609.604	547.829.485.645
Cộng	1.271.873.461.180	1.158.161.075.840

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	290.178.963.228	7.245.967.998	702.458.983.689	(687.314.126.521)	307.749.988.310	9.672.135.912
Thuế GTGT hàng bán nội địa	132.372.489.083	1.067.105.449	306.079.228.032	(297.484.030.451)	142.063.845.958	2.159.764.743
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.244.732.525	(6.244.732.525)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	181.232.739	(181.232.739)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.011.016.271	4.513.990.521	82.724.531.188	(78.575.670.939)	67.133.386.112	7.487.500.113
Thuế thu nhập cá nhân	13.405.903.341	1.193.501.634	14.524.210.874	(15.715.750.623)	11.028.379.323	11.017.365
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	118.455.721	(118.455.721)	-	-
Thuế tài nguyên	17.183.326.909	428.872.314	184.991.060.008	(186.490.121.909)	15.255.392.694	-
Thuế bảo vệ môi trường	4.395.264.048	-	15.725.071.764	(16.433.434.980)	3.686.900.832	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	7.477.597.975	28.275.989	44.326.776.292	(44.111.786.559)	7.664.311.719	-
Các loại thuế khác	3.611.902.526	368.400	5.894.103.687	(6.583.837.108)	2.921.800.705	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51.721.463.075	13.853.691	41.649.580.859	(35.375.072.967)	57.995.970.967	13.853.691
Lợi nhuận nộp Ngân sách	96.766.252.351	-	1.533.806.419	(98.300.058.770)	-	-
Cộng	386.945.215.579	7.245.967.998	703.992.790.108	(785.614.185.291)	307.749.988.310	9.672.135.912

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	793.280.499.432	535.954.383.722
Chi phí lãi tiền vay, lãi trái phiếu	311.531.118.142	193.838.859.820
Chi phí các công trình	359.599.934.906	280.810.438.782
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	122.149.446.384	61.305.085.120
Cộng	793.280.499.432	535.954.383.722

21. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15.753.740.500	10.400.631.022
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	152.124.400.064	95.082.584.485
Cộng	167.878.140.564	105.483.215.507

22. Phải trả khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.540.258.259	4.563.603.539
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Uerlin	51.435.000	51.435.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	70.224.988	70.224.988
Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.437.443.551
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.056.808.238.522	2.187.879.940.114
Kinh phí công đoàn	19.446.516.385	20.043.260.712
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	74.431.753.049	72.055.847.336
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	74.853.376.076	133.311.993.820
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	368.728.907.366	370.755.500.517
Chi phí lãi vay khác	484.975.886.127	427.069.952.981
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	230.941.385.796	217.424.540.915
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	473.711.066.726	475.244.873.145
Khoản thu cước phí tạm xác định chờ xử lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	-	74.724.568.335
Chi phí trung, đại tu chờ quyết toán	55.350.017.905	56.070.347.372
Tiền đặt cọc mua Cổ phần	-	61.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	274.369.329.092	280.179.054.981
Cộng	2.061.348.496.781	2.192.443.543.653

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người ủy thác đầu tư	58.017.030.000	51.359.220.000
Nhận ký quỹ dài hạn	2.460.645.593	2.814.792.260
Tiền bán căn hộ theo hợp đồng liên doanh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM Công ty TNHH Nhạc Sơn	57.760.396.881	57.760.396.881
Các khoản phải trả dài hạn khác	16.702.792.239	-
Cộng	143.346.561.236	119.876.398.541

23. Vay và nợ thuê tài chính**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	3.628.989.300.634	3.891.470.120.831
Vay các tổ chức và cá nhân khác	25.953.105.002	20.894.847.937
Vay dài hạn đến hạn trả	1.654.546.716.179	2.379.791.046.997
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	15.932.182.427	7.700.699.297
Cộng	5.325.421.304.242	6.299.856.715.062

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức, cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	3.891.470.120.831	20.894.847.937	2.379.791.046.997	7.700.699.297	6.299.856.715.062
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.682.670.736.784	13.838.875.343	-	-	4.696.509.612.127
Số kết chuyển	-	3.210.700.766	354.469.388.411	19.124.373.039	376.804.462.216
Lãi nhập gốc	-	229.786.650	-	-	229.786.650
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	-	(6.258.362.247)	-	(6.258.362.247)
Số tiền vay đã trả trong năm	(4.944.213.833.477)	(20.929.442.902)	(872.360.062.746)	(10.892.889.909)	(5.848.396.229.034)
Tăng giảm khác	(937.723.504)	8.708.337.208	(201.095.294.236)	-	(193.324.680.532)
Số cuối năm	3.628.989.300.634	25.953.105.002	1.654.546.716.179	15.932.182.427	5.325.421.304.242

23b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	6.314.738.235.745	6.248.962.768.545
Trái phiếu (*)	1.033.381.589.416	1.146.531.178.832
Nợ thuê tài chính dài hạn	25.189.995.339	8.128.750.000
Cộng	7.373.309.820.501	7.403.622.697.377

(*) Trái phiếu không chuyển đổi năm 2017: Ngày 30 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty Sông Đà đã ký hợp đồng đặt mua trái phiếu không chuyển đổi với 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt để tái cơ cấu các khoản nợ với tổng mệnh giá trái phiếu là 1.160.000.000.000 VND. Kỳ hạn của trái phiếu là 3 năm tính từ

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngày 30 tháng 12 năm 2017. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên của trái phiếu là 11%/năm, lãi suất áp dụng từ kỳ tính lãi tiếp theo của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SJD, SD5, SD6, SD9, SDT, SD2, SD3, SD4, SJS, SDC, VPC, MPC và MEC. Trong tháng 01 năm 2018 Tổng công ty đã nhận được tiền trái phiếu và đã sử dụng số tiền này để thanh toán trước hạn cho trái phiếu Sông Đà phát hành năm 2015.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay ngân hàng	Trái phiếu	Nợ thuê tài chính dài hạn	Cộng
Số đầu năm	6.248.962.768.545	1.146.531.178.832	8.128.750.000	7.403.622.697.377
Số tiền vay phát sinh trong năm	324.208.538.896	-	41.620.703.604	365.829.242.500
Lãi nhập gốc	1.726.603.847	-	-	1.726.603.847
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.462.542.000)	-	(5.435.085.226)	(6.897.627.226)
Số kết chuyển	(357.680.089.177)	-	(19.124.373.039)	(376.804.462.216)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(2.390.740.636)	-	-	(2.390.740.636)
Tăng giảm khác	101.373.696.271	-	-	101.373.696.271
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	6.850.410.584	-	6.850.410.584
Mua lại trái phiếu trước hạn	-	(120.000.000.000)	-	(120.000.000.000)
Số cuối năm	6.314.738.235.745	1.033.381.589.416	25.189.995.339	7.373.309.820.501

24. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	54.580.752.569	67.571.351.610
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	40.837.112.726	55.813.846.492
Tăng khác	187.328.727	-
Chi quỹ trong năm	(47.948.932.068)	(62.922.117.178)
Hao mòn tài sản cố định phúc lợi	(68.544.647)	-
Giảm khác	-	(5.882.328.355)
Số dư cuối năm	47.587.717.307	54.580.752.569

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.495.371.120.000	-	-	4.495.371.120.000
Thặng dư vốn cổ phần	121.567.440.382	-	-	121.567.440.382
Vốn khác của chủ sở hữu	20.998.948.125	-	1.652.468.160	19.346.479.965
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(1.629.294.875.287)	23.608.100.000	-	(1.605.686.775.287)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	242.940.292.010	-	9.398.190.477	233.542.101.533
Quỹ đầu tư phát triển	749.636.060.130	17.263.415.329	-	766.899.475.459
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.798.115.744	-	-	6.798.115.744
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	916.981.352.886	123.690.140.507	-	1.040.671.493.393
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	9.749.706	-	-	9.749.706
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.612.068.345.216	-	108.542.980.957	2.503.525.364.259
Cộng	7.537.076.548.912	164.561.655.836	119.593.639.594	7.582.044.565.154

25b. Thặng dư vốn cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng số thặng dư vốn cổ phần của các Công ty con được hợp nhất	274.670.739.377	274.670.739.377
Loại trừ vào các khoản đầu tư lẫn nhau	(33.882.679.977)	(33.882.679.977)
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	(119.220.619.018)	(119.220.619.018)
Thặng dư vốn cổ phần của Tổng công ty	121.567.440.382	121.567.440.382

25c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Chi tiết lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	1.681.513.650.000	1.681.513.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	119.220.619.018	119.220.619.018
Vốn khác của Chủ sở hữu	16.958.839.827	19.359.846.835
Cổ phiếu quỹ	(620.000)	(620.000)
Quỹ đầu tư phát triển	513.158.460.200	505.368.577.484
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.797.338.433	3.797.338.433
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(7.244.162.408)	102.585.719.534
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	6.916.414	6.916.414
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con	176.114.322.775	180.216.297.498
Cộng	2.503.525.364.259	2.612.068.345.216

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	6.973.551.104.678	8.002.173.542.454
Doanh thu sản xuất công nghiệp	2.161.100.249.265	2.301.915.545.572
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	122.075.363.845	279.095.715.855
Doanh thu dịch vụ	196.478.633.600	374.152.383.609
Doanh thu kinh doanh bất động sản	116.696.930.719	133.367.288.966
Doanh thu hoạt động xây dựng	4.345.247.111.912	4.831.724.343.351
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	31.952.815.337	81.918.265.101
Các khoản giảm trừ doanh thu	(20.542.812.874)	(56.431.131.585)
Cộng	<u>6.953.008.291.804</u>	<u>7.945.742.410.869</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn sản xuất công nghiệp	1.165.599.710.365	1.123.433.102.786
Giá vốn vật tư, hàng hóa	104.401.265.589	272.694.098.577
Giá vốn dịch vụ	123.540.255.860	301.260.399.178
Giá vốn kinh doanh bất động sản	75.061.311.820	94.751.807.068
Giá vốn hoạt động xây dựng	3.841.703.860.717	4.157.571.084.576
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	22.604.482.128	37.539.791.265
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.222.683.616)	12.083.932.889
Cộng	<u>5.321.688.202.863</u>	<u>5.999.334.216.339</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, Lãi tiền cho vay	198.961.806.476	173.493.267.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	115.615.774.953	24.728.583.682
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	24.210.495.000	18.626.985.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.633.803.795	5.329.353.944
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	19.940.743.776	30.414.621.391
Lãi bán hàng trả chậm	-	8.471.577.907
Doanh thu hoạt động tài chính khác	73.416.648	35.469.709
Cộng	<u>374.436.040.648</u>	<u>261.099.859.227</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	841.960.231.544	981.026.675.857
Lãi trái phiếu, Chi phí phát hành trái phiếu	130.804.098.254	139.981.840.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	22.067.850.878	38.028.242.872
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.071.724.820	13.291.906.230
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.243.748.390	(3.010.656.260)
Chi phí tài chính khác	7.817.613.848	12.778.933.123
Cộng	<u>1.017.965.267.734</u>	<u>1.182.096.942.229</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.732.333.372	471.847.878
Chi phí vật liệu, bao bì	1.499.423.919	1.607.979.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	802.427.849	1.441.030.576
Các chi phí khác	1.394.141.857	3.362.921.087
Cộng	<u>6.428.326.997</u>	<u>6.883.778.704</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	308.087.416.906	320.088.944.989
Chi phí vật liệu quản lý	16.076.155.044	31.551.538.634
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.919.762.512	14.436.166.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.802.037.578	21.306.474.828
Thuế, phí và lệ phí	8.732.249.195	7.946.927.919
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	45.704.861.293	75.056.835.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.584.776.133	43.644.326.254
Các chi phí khác	131.006.133.646	134.100.518.705
Cộng	<u>577.913.392.307</u>	<u>648.131.733.025</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý TSCĐ	10.723.011.433	5.403.956.955
Thu từ thanh lý Công cụ dụng cụ	265.518.639	4.568.340.169
Thu tiền bồi thường	771.981.823	7.472.819.512
Hoàn nhập trích trước chi phí công trình	1.572.523.862	13.559.847.672
Thu về chuyển nhượng chứng chỉ phát thải	3.832.177.019	5.608.186.865
Phí y tế và bảo vệ công trình	-	1.268.262.933
Thu nhập từ nông trường Trà Đà	50.000.000	5.877.465.635
Thu nhập từ phí cấp quyền khai thác nước	12.023.306.000	-
Nhận hỗ trợ chênh lệch tỷ giá từ Công ty Mua bán điện	7.966.082.186	-
Thu nhập khác	10.219.665.070	10.083.679.631
Cộng	<u>47.424.266.032</u>	<u>53.842.559.372</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	112.327.047	-
Giá trị còn lại của tài sản giảm do cháy nổ trong năm - Thủy điện Nậm Mu	5.149.439.092	-
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	52.999.924	598.176.398
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội và các khoản khác	121.920.562.864	16.100.121.212
Thuế GTGT không được khấu trừ	813.639.162	-
Thuế TNDN, TNCN nộp bên Lào	697.965.653	3.371.359.856
Phí y tế và bảo vệ công trình	-	1.268.262.933
Chi phí chuyển nhượng giảm phát thải	1.604.159.520	1.872.089.647
Chi phí điều chỉnh sau quyết toán nhà máy Thủy điện Nậm Chiến	2.765.973.079	-
Chi phí khác	2.339.012.741	7.700.729.896
Cộng	135.456.079.082	30.910.739.942

9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Tỷ lệ vốn góp %	Phần lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phát sinh trong năm của Công ty liên kết	Phần lợi nhuận hoặc lỗ của Công ty mẹ trong công ty liên kết
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	35,11%	137.619.402.457	48.315.176.616
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	36,00%	144.688.761	52.087.954
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	30,00%	831.044.852	249.313.456
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	36,35%	104.044.696.069	37.816.508.668
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	50,00%	267.872.460	133.936.230
Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết của Công ty con trong Báo cáo hợp nhất		-	(1.349.997.866)
Cộng		242.907.704.599	85.217.025.058

10. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Từ ngày 06/4/2018 đến 31/12/2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	157.474.040.870	142.833.218.132
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	157.474.040.870	142.833.218.132
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	449.537.112	449.537.112
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	350	318

1.990
CHI
CỘ
CH
V TO
A
TẠI
VGD.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.860.375.391 VND (số năm trước là 2.133.863.636 VND)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và các Công ty con gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	Công ty liên kết
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	Công ty liên kết
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Công ty mẹ và các Công ty con công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

15-0
HÀ N
G T
M H
VÀ
& C
HÀ N
1-1

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.17, V.18, và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty mẹ và các Công ty con do các hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty mẹ và các Công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện.
- Lĩnh vực xây lắp: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.161.100.249.265	4.324.704.299.038	467.203.743.501	6.953.008.291.804
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.161.100.249.265	4.324.704.299.038	467.203.743.501	6.953.008.291.804
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	995.500.538.900	483.000.438.321	152.819.111.720	1.631.320.088.941
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(584.341.719.304)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.046.978.369.637
Doanh thu hoạt động tài chính				374.436.040.648
Chi phí tài chính				(1.017.965.267.734)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				85.217.025.058
Thu nhập khác				47.424.266.032
Chi phí khác				(135.456.079.082)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(82.724.531.188)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				3.569.355.477
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				321.479.178.848

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	(101.403.754.764)	(202.924.993.561)	(21.922.265.682)	(326.251.014.008)
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	(228.457.411.072)	(457.179.507.589)	(49.389.729.940)	(735.026.648.601)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sản xuất công nghiệp	Xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.636.818.097.692	13.331.480.155.758	430.769.420.578	24.399.067.674.028
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				3.583.857.195.309
Tổng tài sản				27.982.924.869.337
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.110.571.801.654	12.878.602.663.772	411.671.243.160	20.400.845.708.586
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				20.400.845.708.586
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.934.380.739.654	15.122.936.986.919	1.123.722.787.195	25.181.040.513.768
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				3.506.727.626.658
Tổng tài sản				28.687.768.140.426
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.696.727.346.167	15.172.597.539.576	281.332.110.174	21.150.656.995.917
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				21.150.656.995.917

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Trong nước	6.592.295.017.955
Ngoài nước	360.713.273.849
Cộng	6.953.008.291.804

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam. Tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

Trong nước	26.561.628.957.603
Ngoài nước	1.421.295.911.734
Cộng	<u>27.982.924.869.337</u>

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Mai Hương

Vũ Đức Quang

Trần Văn Tuấn